DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÍ DỰ TUYỂN TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NĂM 2022

STT	Mã đăng ký	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Lệ phí thụ lý_ĐÃ NỘP	Lệ phí thi - ĐÃ NỘP	Số tiền còn phải nộp thêm	Mã thanh toán
1	DK21213492	Đoàn Thanh An	Nữ	15/12/1994	60,000	360,000	430,000	TTD82JC1V
2	DK22110277	Vũ Đức An	Nam	17/04/1997	60,000	240,000	550,000	TTDW8R7UJ
3	DK22110070	Lê Hà An	Nữ	12/12/1999	60,000	240,000	550,000	TTD1C3HBK
4	DK22110235	Nguyễn Thị An	Nữ	17/10/1987	60,000	240,000	550,000	TTDCX1NFE
5	DK22110624	Nguyễn Trường An	Nam	11/09/1997	60,000	240,000	550,000	TTDR6B6CZ
6	DK21213724	Lê Nguyễn Phương Anh	Nữ	07/03/1998	60,000	360,000	430,000	TTDPBRHFG
7	DK21222659	Phạm Thị Tú Anh	Nữ	11/11/1998	60,000	360,000	430,000	TTD1GXCQZ
8	DK22110053	Nguyễn Thị Ngọc Anh	Nữ	14/07/1997	60,000	360,000	430,000	TTD29ZKYJ
9	DK22110019	Võ Bảo Anh	Nữ	13/05/1996	60,000	360,000	430,000	TTD9YGBCF
10	DK21214067	Lâm Đức Anh	Nam	07/08/1999	60,000	360,000	430,000	TTD1B5N38
11	DK22120037	Lê Vân Anh	Nữ	09/06/1988	60,000	360,000	430,000	TTD7PCQF2
12	DK22110031	Nguyễn Mỹ Anh	Nữ	18/02/1996	60,000	360,000	430,000	TTDH2K9X1
13	DK21213636	Hoàng Thị Vân Anh	Nữ	16/4/1987	60,000	360,000	430,000	TTDG9BWAN
14	DK22120519	Nguyễn Minh Anh	Nữ	02/12/1999	60,000	360,000	430,000	TTD6PJUYW
15	DK22110022	Võ Quốc Anh	Nam	20/11/1999	60,000	360,000	430,000	TTD2EQESC
16	DK21213590	Nguyễn Tuấn Anh	Nam	07/04/1998	60,000	360,000	430,000	TTDFFC13H
17	DK22110059	Nguyễn Thị Huệ Anh	Nữ	03/02/1995	60,000	240,000	550,000	TTDQS3SNY
18	DK22120264	Lưu Thị Phương Anh	Nữ	14/10/1994	60,000	240,000	550,000	TTDD96R6Q
19	DK22110543	Đào Xuân Tùng Anh	Nam	21/11/1991	60,000	240,000	550,000	TTDCA53U5
20	DK22110625	Bùi Mai Anh	Nữ	02/10/1983	60,000	240,000	550,000	TTDHHB2HJ
21	DK22110676	Nguyễn Đức Anh	Nam	29/08/1997	60,000	240,000	550,000	TTD5Y3WZY
22	DK22110682	Đinh Quỳnh Anh	Nữ	15/01/1995	60,000	240,000	550,000	TTDGEKC5J
23	DK22110756	Phạm Phan Quỳnh Anh	Nữ	19/10/1998	60,000	240,000	550,000	TTD8G4F4R
24	DK22120344	Ninh Thị Thu Anh	Nữ	15/4/1998	60,000	240,000	550,000	TTD4PHK9B
25	DK22120650	Vũ Thị Quỳnh Anh	Nữ	22/12/1997	60,000	240,000	550,000	TTD31KFDH
26	DK22110862	Lê Tuấn Anh	Nam	14/01/1996	60,000	240,000	550,000	TTDGGU4BB
27	DK22120336	Lê Thị Mai Anh	Nữ	18/03/1999	60,000	240,000	550,000	TTDRPE9QR
28	DK22110058	Nguyễn Thị Vân Anh	Nữ	10/02/1993	60,000	240,000	550,000	TTD4NH9FN
29	DK22120627	Nguyễn Thị Kim Anh	Nữ	06/06/1994	60,000	240,000	550,000	TTDHH4XUA
30	DK22110399	Đỗ Tuấn Anh	Nam	25/05/1998	60,000	240,000	550,000	TTDR5W1AU
31	DK22110442	Vương Thị Lan Anh	Nữ	26/10/1995	60,000	240,000	550,000	TTDYHYVQV
32	DK22120206	Bùi Minh Anh	Nữ	03/12/1996	60,000	240,000	550,000	TTD752G7Y
33	DK22120140	Phạm Kim Anh	Nữ	04/11/1997	60,000	240,000	550,000	TTDCV6WUY
34	DK22110266	Nguyễn Phúc Tài Anh	Nam	28/05/1998	60,000	240,000	550,000	TTDBUY2H8
35	DK22110294	Hoàng Phương Anh	Nữ	19/08/1998	60,000	240,000	550,000	TTDHQWZ81
36	DK22110302	Bùi Tuấn Anh	Nam	12/12/1995	60,000	240,000	550,000	TTDGJ81FF
37	DK22110306	Ngô Thị Hà Anh	Nữ	25/01/1994	60,000	240,000	550,000	TTDCFZ7QK
38	DK22120321	Nguyễn Thế Anh	Nam	08/12/1987	60,000	240,000	550,000	TTD26JQW5
39	DK22110356	Đặng Lan Anh	Nữ	14/07/1999	60,000	240,000	550,000	TTDVQ1F5Z
40	DK22110032	Ngô Ngọc Anh	Nữ	18/08/1990	60,000	240,000	550,000	TTDWF81CU
41	DK22110116	Phạm Phương Anh	Nữ	08/03/1999	60,000	240,000	550,000	TTDG8XY15
42	DK22110172	Phạm Quang Anh	Nam	30/05/1996	60,000	240,000	550,000	TTD55GNFV
43	DK22120361	Bàng Kỳ Anh	Nam	22/01/1997	60,000	240,000	550,000	TTDBEUZDC

STT	Mã đăng ký	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Lệ phí thụ lý_ĐÃ NỘP	Lệ phí thi - ĐÃ NỘP	Số tiền còn phải nộp thêm	Mã thanh toán
44	DK22110737	Nguyễn Thị Lan Anh	Nữ	04/10/1996	60,000	240,000	550,000	TTDNSFNBW
45	DK21213348	Đào Thị Ngọc Anh	Nữ	04/02/1995	60,000	240,000	550,000	TTDH6BAWF
46	DK21222604	Hồ Vân Anh	Nữ	22/05/1998	60,000	240,000	550,000	TTD5DJFFD
47	DK21213419	Nguyễn Thị Hồng Anh	Nữ	02/11/1998	60,000	240,000	550,000	TTD6JKRX1
48	DK21213544	Nguyễn Quỳnh Anh	Nữ	11/09/1997	60,000	240,000	550,000	TTD8QJ77B
49	DK21222949	Cà Văn Ánh	Nam	28/10/1991	60,000	360,000	430,000	TTDA5UNCW
50	DK21213476	Ngô Thị Ngọc Ánh	Nữ	12/09/1985	60,000	360,000	430,000	TTD18BAZ4
51	DK21213709	Trần Thị Ngọc Ánh	Nữ	14/09/1998	60,000	240,000	550,000	TTDXGZ4HE
52	DK22110660	Lưu Thị Ngọc Ánh	Nữ	10/09/1990	60,000	240,000	550,000	TTDVC8EZF
53	DK21213843	Lã Hoài Bắc	Nam	22/10/1977	60,000	360,000	430,000	TTDU48FXA
54	DK21222835	Đàm Thị Bằng	Nữ	15/10/1982	60,000	360,000	430,000	TTDP5PVVC
55	DK22120332	Trần Anh Bằng	Nam	20/07/1997	60,000	240,000	550,000	TTD9DWGXB
56	DK22120269	Nguyễn Thái Bảo	Nam	28/05/1992	60,000	240,000	550,000	TTD18766F
57	DK22110021	Đinh Thạch Bích	Nữ	14/05/1999	60,000	360,000	430,000	TTD6FZCVE
58	DK22120258	Nguyễn Thị Ngọc Bích	Nữ	14/10/1980	60,000	240,000	550,000	TTD69XSJU
59	DK22110747	Trịnh Thị Bích	Nữ	20/10/1994	60,000	240,000	550,000	TTD8ND7QH
60	DK22110142	Lương Thanh Bình	Nam	13/08/1984	60,000	240,000	550,000	TTDZ9VYKK
61	DK22110080	Trần Thị Cẩm Bình	Nữ	15/01/1993	60,000	240,000	550,000	TTDWPCC49
62	DK22110204	Phạm Nguyễn Đức Cảnh	Nam	30/11/1983	60,000	240,000	550,000	TTDVEVGF2
63	DK22110765	Nguyễn Viết Cao	Nam	25/01/1980	60,000	240,000	550,000	TTD1JWCWQ
64	DK22110018	Nguyễn Thị Chà	Nữ	30/09/1989	60,000	240,000	550,000	TTDVZEKZ1
65	DK22110225	Phùng Bảo Châu	Nam	12/02/1997	60,000	240,000	550,000	TTDVCRRKX
66	DK22110331	Lê Minh Châu	Nam	15/04/1985	60,000	240,000	550,000	TTD32XR6A
67	DK21213477	Lê Thị Khánh Chi	Nữ	13/03/1987	60,000	360,000	430,000	TTDX76R1D
68	DK22110156	Phạm Linh Chi	Nữ	11/06/1997	60,000	240,000	550,000	TTD6CCUD6
69	DK22110194	Đinh Minh Chí	Nam	05/04/1997	60,000	240,000	550,000	TTDG7W5SY
70	DK22120589	Khổng Đức Chính	Nam	21/09/1990	60,000	240,000	550,000	TTDNKGGBG
71	DK22120522	Hà Văn Chỉnh	Nam	29/10/1981	60,000	240,000	550,000	TTDUQYWHK
72	DK21213682	Hoàng Đức Chung	Nam	22/12/1980	60,000	360,000	430,000	TTD68XE1V
73	DK22110829	Văn Đức Chung	Nam	05/04/1987	60,000	240,000	550,000	TTDFK31B6
74	DK22110755	Phạm Thành Chung	Nam	30/11/1992	60,000	240,000	550,000	TTDEXWFXN
75	DK22110444	Nguyễn Văn Công	Nam	31/03/1995	60,000	240,000	550,000	TTD7P2DKJ
76	DK22110060	Dương Thị Cúc	Nữ	13/02/1986	60,000	360,000	430,000	TTDG62KNW
77	DK22120070	Hoàng Ngọc Cương	Nam	25/03/1997	60,000	240,000	550,000	TTDPB44CX
78	DK22110276	Lê Ngọc Cường	Nam	09/05/1993	60,000	240,000	550,000	TTD4WZAFB
79	DK22110071	Nguyễn Tài Cường	Nam	24/07/1981	60,000	240,000	550,000	TTDNQW1GW
80	DK22120539	Nguyễn Hùng Cường	Nam	04/03/1990	60,000	240,000	550,000	TTDJNKVZY
81	DK22110720	Bùi Việt Cường	Nam	19/11/1999	60,000	240,000	550,000	TTDBU8UDU
82	DK22120485	Nguyễn Việt Cường	Nam	14/02/1996	60,000	240,000	550,000	TTDBYVXRV
83	DK21213614	Nguyễn Đức Cường	Nam	03/04/1996	60,000	240,000	550,000	TTDJ7PGKC
84	DK22120273	Dương Quang Đại	Nam	01/05/1999	60,000	240,000	550,000	TTDZXEP48
85	DK22110069	Nguyễn Thuý Tâm Đan	Nữ	24/06/1996	60,000	360,000	430,000	TTD2CPZGE
86	DK22110476	Trần Thị Linh Đan	Nữ	21/11/1999	60,000	240,000	550,000	TTDDRH7XB
87	DK22120178	Nguyễn Tuấn Đạt	Nam	02/01/1995	60,000	240,000	550,000	TTD6D5S1H
88	DK21213914	Nguyễn Đạt	Nam	01/02/1989	60,000	240,000	550,000	TTDDBY7KG

STT	Mã đăng ký	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Lệ phí thụ lý_ĐÃ NỘP	Lệ phí thi - ĐÃ NỘP	Số tiền còn phải nộp thêm	Mã thanh toán
89	DK22110511	Trần Trung Đạt	Nam	18/03/1998	60,000	240,000	550,000	TTDU2PJVC
90	DK22120374	Hoàng Tiến Đạt	Nam	25/01/1993	60,000	240,000	550,000	TTD9F8B4F
91	DK22120365	Nguyễn Văn Đạt	Nam	12/02/1994	60,000	240,000	550,000	TTD1SKVVB
92	DK22120068	Dương Đức Diệp	Nam	05/09/1987	60,000	360,000	430,000	TTDRW2EH2
93	DK22120461	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	Nữ	28/12/1996	60,000	240,000	550,000	TTDWNSHNX
94	DK21213613	Ma Hồng Điệp	Nữ	01/01/1984	60,000	360,000	430,000	TTD31A7E9
95	DK22120281	Dương Đức Dĩnh	Nam	27/02/1997	60,000	240,000	550,000	TTDUW36XH
96	DK22120278	Bùi Thị Dịu	Nữ	10/10/1999	60,000	240,000	550,000	TTD3W9RD3
97	DK22110655	Lê Quý Đôn	Nam	12/06/1999	60,000	240,000	550,000	TTDUDSHQF
98	DK22110644	Nguyễn Duy Đông	Nam	14/10/1999	60,000	240,000	550,000	TTD25C1K4
99	DK21213685	Hoàng Trọng Đức	Nam	21/7/1977	60,000	360,000	430,000	TTDHDRWHP
100	DK22130011	Đỗ Minh Đức	Nam	01/11/1994	60,000	120,000	670,000	TTDKPAHED
101	DK21213522	Nguyễn Minh Đức	Nam	05/08/1998	60,000	240,000	550,000	TTDR9NJZD
102	DK22110113	Lê Hoàng Đức	Nam	27/09/1996	60,000	240,000	550,000	TTD1EJ9UB
103	DK22110688	Lê Thị Dung	Nữ	06/05/1984	60,000	240,000	550,000	TTD6HJ45B
104	DK22110724	Đinh Thanh Dung	Nữ	14/10/1996	60,000	240,000	550,000	TTD7R3YDZ
105	DK22110310	Nguyễn Thùy Dung	Nữ	30/04/1989	60,000	240,000	550,000	TTDS9CYS9
106	DK22120363	Đỗ Thùy Dung	Nữ	29/09/1995	60,000	240,000	550,000	TTDG71XQX
107	DK22110666	Nguyễn Thị Kim Dung	Nữ	18/08/1998	60,000	240,000	550,000	TTDRG6UXC
108	DK22110651	Phan Thị Dung	Nữ	10/09/1999	60,000	240,000	550,000	TTDXH6P3E
109	DK22110816	Nguyễn Thị Thanh Dung	Nữ	31/05/1996	60,000	240,000	550,000	TTDPQKSSJ
110	DK22110319	Nguyễn Đức Dũng	Nam	12/12/1999	60,000	240,000	550,000	TTDN5F18D
111	DK22110222	Phạm Tuấn Dũng	Nam	30/01/1998	60,000	240,000	550,000	TTD2CYQ84
112	DK22110546	Phùng Anh Dũng	Nam	04/01/1996	60,000	240,000	550,000	TTDQKQWQN
113	DK22110749	Hoàng Việt Dũng	Nam	10/09/1991	60,000	240,000	550,000	TTDURP41W
114	DK21213854	Đinh Việt Dũng	Nam	06/02/1998	60,000	240,000	550,000	TTDNQE6U3
115	DK21213582	Phan Thái Dũng	Nam	13/10/1999	60,000	240,000	550,000	TTDC63PS3
116	DK22110042	Nguyễn Thị Hồng Dương	Nữ	31/03/1996	60,000	360,000	430,000	TTD771WFF
117	DK22110677	Phạm Công Dương	Nam	11/01/1988	60,000	240,000	550,000	TTD5V2S6N
118	DK22110852	Nguyễn Hoàng Dương	Nam	19/12/2000	60,000	240,000	550,000	TTDEJ7SXA
119	DK22110524	Trần Thị Cẩm Dương	Nữ	30/10/1996	60,000	240,000	550,000	TTDBQWRYR
120	DK22110455	Nguyễn Thùy Dương	Nữ	03/05/1995	60,000	240,000	550,000	TTDJYCUZF
121	DK22120349	Bùi Thuỳ Dương	Nữ	18/07/1996	60,000	240,000	550,000	TTDKVGPW4
122	DK22120292	Hoàng Thị Thùy Dương	Nữ	05/10/1989	60,000	240,000	550,000	TTDK6BGUG
123	DK22110341	Nguyễn Đức Duy	Nam	15/08/1999	60,000	240,000	550,000	TTDES74E2
124	DK22110496	Nguyễn Văn Duy	Nam	15/12/1995	60,000	240,000	550,000	TTDY2DUHY
125	DK22110314	Phạm Xuân Duy	Nam	15/05/1986	60,000	240,000	550,000	TTDN8F82D
126	DK22110798	Nguyễn Thị Duyên	Nữ	20/05/1997	60,000	240,000	550,000	TTD2PX2UW
127	DK22110161	Mai Thế Duyệt	Nam	27/04/1996	60,000	240,000	550,000	TTD8YZZPY
128	DK21213996	Nguyễn Hương Giang	Nữ	28/01/2000	60,000	360,000	430,000	TTD6UP2SS
129	DK21213713	Mã Thanh Giang	Nam	19/5/1970	60,000	360,000	430,000	TTDZS9BA6
130	DK21213680	Nguyễn Đình Giang	Nam	14/6/1986	60,000	360,000	430,000	TTDE1HZ22
131	DK22110647	Tạ Ngọc Giang	Nam	09/09/1977	60,000	240,000	550,000	TTDZ1PZN2
132	DK22120053	Lê Thị Thanh Giang	Nữ	21/08/1999	60,000	240,000	550,000	TTDW76EPC

STT	Mã đăng ký	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Lệ phí thụ lý_ĐÃ NỘP	Lệ phí thi - ĐÃ NỘP	Số tiền còn phải nộp thêm	Mã thanh toán
133	DK22110097	Cao Thị Lam Giang	Nữ	27/01/1998	60,000	240,000	550,000	TTDZ89C1H
134	DK22120385	Vũ Nam Giang	Nam	08/08/1998	60,000	240,000	550,000	TTDRSBKAF
135	DK22110528	Đoàn Thị Hương Giang	Nữ	24/04/1995	60,000	240,000	550,000	TTDCCHCJF
136	DK21213968	Nguyễn Hữu Giáo	Nam	13/11/1999	60,000	360,000	430,000	TTD8SP8J4
137	DK22110654	Nguyễn Trọng Giáp	Nam	10/11/1999	60,000	240,000	550,000	TTDCJFAYA
138	DK22110057	Trịnh Thanh Hà	Nữ	01/05/1998	60,000	360,000	430,000	TTDG7A7V4
139	DK22110431	Nguyễn Thị Thu Hà	Nữ	04/04/1993	60,000	240,000	550,000	TTDBK564C
140	DK21213671	Lê Thu Hà	Nữ	04/04/1988	60,000	360,000	430,000	TTDAS9JRH
141	DK21213876	Phạm Thu Hà	Nữ	06/07/1998	60,000	240,000	550,000	TTDBKUPFK
142	DK21213906	Đỗ Thị Thu Hà	Nữ	23/04/1997	60,000	240,000	550,000	TTDRR2N9K
143	DK22120333	Hoàng Thương Hà	Nữ	13/10/1993	60,000	240,000	550,000	TTDBBSZDP
144	DK22110340	Cấn Thanh Hà	Nữ	20/02/1999	60,000	240,000	550,000	TTD5RWV7D
145	DK22110316	Bùi Thu Hà	Nữ	13/08/1997	60,000	240,000	550,000	TTDUNS9YE
146	DK22110147	Nguyễn Hoàng Hà	Nữ	10/09/1980	60,000	240,000	550,000	TTDX6588R
147	DK22120051	Bùi Ngọc Hà	Nữ	07/05/1995	60,000	240,000	550,000	TTD1DHPV3
148	DK22120282	Đỗ Thị Thu Hà	Nữ	23/04/1997	60,000	240,000	550,000	TTDF22SJN
149	DK22110295	Trần Thanh Hà	Nữ	16/10/1997	60,000	240,000	550,000	TTD2YQPA7
150	DK22120324	Hoàng Hà	Nữ	01/04/1997	60,000	240,000	550,000	TTD9Q5SJW
151	DK22120257	Nguyễn Thái Hà	Nữ	14/05/1993	60,000	240,000	550,000	TTDCZXEEB
152	DK21222815	Nguyễn Thị Hà	Nữ	21/11/1997	60,000	240,000	550,000	TTDYPJGJD
153	DK22120487	Hứa Duy Hà	Nam	01/12/1997	60,000	240,000	550,000	TTDE5PFXY
154	DK22110726	Nguyễn Thu Hà	Nữ	10/08/1998	60,000	240,000	550,000	TTDD5RCA9
155	DK21222816	Lê Thu Hà	Nữ	24/08/1998	60,000	240,000	550,000	TTD98XDJU
156	DK22110252	Nguyễn Hoa Hạ	Nữ	13/05/1997	60,000	240,000	550,000	TTDZ6FARP
157	DK22120277	Nguyễn Lê Nam Hải	Nam	13/08/1999	60,000	240,000	550,000	TTD71PYRA
158	DK22110118	Nguyễn Thanh Hải	Nam	21/07/1996	60,000	240,000	550,000	TTDVXK5UQ
159	DK22110307	Nguyễn Thanh Hải	Nữ	28/10/1995	60,000	240,000	550,000	TTDEXFWR8
160	DK21113178	Đinh Thị Minh Hằng	Nữ	22/05/1978	60,000	360,000	430,000	TTDBZGVGH
161	DK22120354	Trinh Thị Hằng	Nữ	06/06/1993	60,000	240,000	550,000	TTD2FHAUE
162	DK22120610	Nguyễn Thị Mỹ Hằng	Nữ	18/06/1996	60,000	240,000	550,000	TTD88PKA8
163	DK21213504	Nguyễn Thị Thu Hằng	Nữ	15/09/1996	60,000	240,000	550,000	TTD8PQQBW
164	DK22120458	Ngô Thị Hằng	Nữ	15/11/1989	60,000	240,000	550,000	TTD3BY3XQ
165	DK22120142	Nguyễn Thị Thu Hằng	Nữ	19/10/1989	60,000	240,000	550,000	TTDRX4FEK
166	DK22120584	Nguyễn Minh Hằng	Nữ	07/06/1992	60,000	240,000	550,000	TTDPC6JE6
167	DK22110159	Phạm Thúy Hằng	Nữ	31/12/1999	60,000	240,000	550,000	TTD7RW8PS
168	DK22110719	Vũ Thanh Hằng	Nữ	22/06/1997	60,000	240,000	550,000	TTDQF2Y6K
169	DK22110177	Đào Thị Kim Hạnh	Nữ	07/12/1991	60,000	360,000	430,000	TTD6N7398
170	DK22110111	Nguyễn Lê Lam Hạnh	Nữ	20/12/1991	60,000	360,000	430,000	TTDARPWC3
171	DK21213837	Hoàng Thị Bích Hạnh	Nữ	03/09/1974	60,000	360,000	430,000	TTDK45DF5
172	DK22110358	Hoàng Hạnh	Nữ	18/06/1995	60,000	360,000	430,000	TTD1RHJNE
173	DK22110671	Trịnh Thị Hạnh	Nữ	10/11/1987	60,000	240,000	550,000	TTDQ1YDSZ
174	DK22110230	Hoàng Hồng Hạnh	Nữ	22/03/1995	60,000	240,000	550,000	TTDEG8U9A
175	DK22110088	Phạm Thị Hạnh	Nữ	18/07/1992	60,000	240,000	550,000	TTD1BVAWZ
176	DK22110446	Đặng Thị Hạnh	Nữ	16/09/1994	60,000	240,000	550,000	TTDHEH2CR
177	DK21213624	Lý Ích Hào	Nam	02/3/1986	60,000	360,000	430,000	TTDEY85HA
178	DK22120646	Vũ Thị Phương Hảo	Nữ	22/10/1996	60,000	240,000	550,000	TTDS28QKE

STT	Mã đăng ký	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Lệ phí thụ lý_ĐÃ NỘP	Lệ phí thi - ĐÃ NỘP	Số tiền còn phải nộp thêm	Mã thanh toán
179	DK21213728	Nguyễn Việt Hiền	Nữ	26/11/1988	60,000	360,000	430,000	TTDHGK4P2
180	DK21213945	Nguyễn Thị Minh Hiền	Nữ	11/11/1981	60,000	360,000	430,000	TTD6VD3PK
181	DK22110512	Trần Thu Hiền	Nữ	28/11/1999	60,000	240,000	550,000	TTDUGCGKE
182	DK22120423	Nguyễn Thị Hiền	Nữ	20/05/1997	60,000	240,000	550,000	TTD2JJQV2
183	DK22120491	Nguyễn Thị Thu Hiền	Nữ	28/10/1992	60,000	240,000	550,000	TTDPUNGPZ
184	DK22110163	Nguyễn Minh Hiền	Nữ	16/07/1991	60,000	240,000	550,000	TTD9VDKHE
185	DK22120271	Trần Thị Hiền	Nữ	01/01/1982	60,000	240,000	550,000	TTDRQUZB4
186	DK22110379	Phạm Thị Thu Hiền	Nữ	22/09/1982	60,000	240,000	550,000	TTD15H3U9
187	DK22110557	Lại Xuân Hiển	Nam	17/04/1997	60,000	240,000	550,000	TTD4FFHV1
188	DK22120562	Nguyễn Duy Hiệp	Nam	18/9/1987	60,000	240,000	550,000	TTDGFXQ3Z
189	DK22110561	Phùng Mạnh Hiệp	Nam	06/06/1990	60,000	240,000	550,000	TTDQHPPB3
190	DK22110369	Hoàng Văn Hiệp	Nam	27/08/1997	60,000	240,000	550,000	TTDX52V8Z
191	DK22110363	Mai Chấn Hiệp	Nam	13/05/1987	60,000	240,000	550,000	TTDZNWFQX
192	DK22110366	Đỗ Thị Minh Hiệp	Nữ	15/11/1997	60,000	240,000	550,000	TTDCKDD2S
193	DK22110831	Bùi Trung Hiếu	Nam	15/10/1992	60,000	240,000	550,000	TTDN29P44
194	DK22110131	Nguyễn Trung Hiếu	Nam	17/01/1993	60,000	240,000	550,000	TTDKPUQHC
195	DK22110743	Lê Minh Hiếu	Nam	21/10/1999	60,000	240,000	550,000	TTDVF8JW3
196	DK21213991	Đàm Ích Hiệu	Nam	03/08/1978	60,000	360,000	430,000	TTDVE2FW9
197	DK22110210	Nguyễn Thị Hoa	Nữ	03/10/1983	60,000	360,000	430,000	TTDC56DVY
198	DK22110406	Trần Thị Quỳnh Hoa	Nữ	15/10/1995	60,000	240,000	550,000	TTDKGZNEU
199	DK22120484	Nguyễn Thị Hoa	Nữ	11/06/1998	60,000	240,000	550,000	TTD9KKZCE
200	DK21222893	Ngô Lê Mỹ Hoa	Nữ	24/12/1997	60,000	240,000	550,000	TTDQG3SUG
201	DK21213703	Nguyễn Vy Thị Hòa	Nữ	15/12/1989	60,000	360,000	430,000	TTDRCJVZ6
202	DK22120498	Đinh Thị Khánh Hòa	Nữ	10/07/1997	60,000	240,000	550,000	TTDEE7HRP
203	DK22120032	Nguyễn Thị Hoài	Nữ	04/04/1991	60,000	240,000	550,000	TTDHEVV6B
204	DK22110657	Vũ Việt Hoài	Nữ	03/10/1999	60,000	240,000	550,000	TTDR6S77A
205	DK22120319	Trần Lê Hoàng	Nam	25/06/1993	60,000	240,000	550,000	TTD3KU5PZ
206	DK21222913	Bế Thị Hồng	Nữ	15/09/1988	60,000	360,000	430,000	TTDNNQZWY
207	DK22110429	Phạm Thị Hồng	Nữ	14/09/1983	60,000	240,000	550,000	TTDBN8SK9
208	DK22110282	Bùi Thị Hồng	Nữ	08/04/1994	60,000	240,000	550,000	TTDC5Z7AE
209	DK22110365	Dương Văn Hợp	Nam	19/05/1990	60,000	240,000	550,000	TTDEWR6FK
210	DK22110537	Bùi Đình Hợp	Nam	10/10/1994	60,000	240,000	550,000	TTD8PEZNR
211	DK22110595	Hoàng Minh Huế	Nữ	26/09/1994	60,000	240,000	550,000	TTDSCDCBP
212	DK21213729	Đoàn Minh Huệ	Nữ	22/08/1992	60,000	360,000	430,000	TTD1B7R81
213	DK21222853	Hoàng Thị Huệ	Nữ	11/04/1985	60,000	360,000	430,000	TTDPE614E
214	DK22110115	Vũ Mạnh Hùng	Nam	07/01/1989	60,000	360,000	430,000	TTD8ZSKU1
215	DK22110750	Đinh Việt Hùng	Nam	02/07/1993	60,000	240,000	550,000	TTD58HJ2C
216	DK22110224	Trần Việt Hùng	Nam	22/06/1998	60,000	240,000	550,000	TTD8SN54X
217	DK22110132	Phạm Văn Hùng	Nam	29/08/1999	60,000	240,000	550,000	TTDBU8DSB
218	DK22110154	Nguyễn Văn Hùng	Nam	09/04/1994	60,000	240,000	550,000	TTDCBQKZJ
219	DK20221260	Nguyễn Mạnh Hùng	Nam	24/03/1998	60,000	240,000	550,000	TTDE4HHXB
220	DK21213751	Trịnh Quốc Hưng	Nam	28/09/1980	60,000	360,000	430,000	TTDWPVJEW
221	DK21122100	Từ Tuấn Hưng	Nam	29/10/1990	60,000	240,000	550,000	TTDVJWP44
222	DK22110023	Nguyễn Duy Hưng	Nam	13/01/1997	60,000	240,000	550,000	TTDE8WVEW
223	DK22110582	Nguyễn Văn Hưng	Nam	23/1/1988	60,000	240,000	550,000	TTDVHGH9R
224	DK22110550	Nguyễn Tuấn Hưng	Nam	16/11/1996	60,000	240,000	550,000	TTD7C145C
225	DK22110079	Mai Thị Xuân Hương	Nữ	19/09/1995	60,000	240,000	550,000	TTDSRHR7W

STT	Mã đăng ký	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Lệ phí thụ lý_ĐÃ NỘP	Lệ phí thi - ĐÃ NỘP	Số tiền còn phải nộp thêm	Mã thanh toán
226	DK22110627	Trần Thị Thu Hương	Nữ	21/10/1994	60,000	240,000	550,000	TTDW6NE4E
227	DK22110585	Bùi Mai Hương	Nữ	31/10/1990	60,000	240,000	550,000	TTDBW4DEF
228	DK22110437	Nguyễn Lan Hương	Nữ	25/01/1981	60,000	240,000	550,000	TTDN5JUW2
229	DK22120304	Nguyễn Thị Hương	Nữ	13/02/1989	60,000	240,000	550,000	TTDBRXU4G
230	DK22120387	Vũ Thị Thùy Hương	Nữ	29/06/1994	60,000	240,000	550,000	TTDV2Z3Z4
231	DK22110055	Dương Thu Hương	Nữ	19/07/1998	60,000	240,000	550,000	TTDBSNERC
232	DK22110760	Nguyễn Thanh Hương	Nữ	13/12/1996	60,000	240,000	550,000	TTDK82CJ2
233	DK21213681	Ngô Thị Hương	Nữ	27/12/1995	60,000	240,000	550,000	TTD3J11K8
234	DK21122517	Đàm Thị Thu Hường	Nữ	25/12/1982	60,000	360,000	430,000	TTDR5YHRS
235	DK21213730	Lại Thị Thu Hường	Nữ	13/08/1997	60,000	360,000	430,000	TTDU1KN8W
236	DK22110105	Lê Thị Hường	Nữ	20/07/1978	60,000	240,000	550,000	TTD4EAR9J
237	DK22110260	Lê Văn Huy	Nam	23/03/1983	60,000	240,000	550,000	TTDHJHWFF
238	DK21213513	Trương Tuấn Huy	Nam	27/08/1998	60,000	240,000	550,000	TTD9YE2SD
239	DK22110566	Nguyễn Quang Huy	Nam	10/01/1998	60,000	240,000	550,000	TTDRDC9Z6
240	DK22120266	Nguyễn Đức Huy	Nam	30/04/1996	60,000	240,000	550,000	TTDKEAJJV
241	DK22110342	Nguyễn Đức Huy	Nam	05/08/1999	60,000	240,000	550,000	TTD7ZDVR4
242	DK22120129	Vũ Hạnh Huyền	Nữ	11/02/1999	60,000	360,000	430,000	TTDY5727E
243	DK22110119	Bùi Thị Thanh Huyền	Nữ	27/05/1988	60,000	240,000	550,000	TTDEV5UKR
244	DK22110505	Nguyễn Thanh Huyền	Nữ	25/06/1988	60,000	240,000	550,000	TTDX11A7E
245	DK22110554	Nguyễn Thị Cẩm Huyền	Nữ	30/11/1991	60,000	240,000	550,000	TTDA7FDYY
246	DK22110763	Vũ Thị Thu Huyền	Nữ	26/12/1995	60,000	240,000	550,000	TTDZ9K8VC
247	DK22110123	Mai Ngọc Huyền	Nữ	17/03/1998	60,000	240,000	550,000	TTD8B35WU
248	DK22110580	Nguyễn Thị Thanh Huyền	Nữ	01/05/1998	60,000	240,000	550,000	TTDFR9935
249	DK22110383	Nguyễn Văn Khanh	Nam	02/09/1997	60,000	240,000	550,000	TTDGZWDV1
250	DK22120671	Nguyễn Thị Ái Khanh	Nữ	24/05/1997	60,000	240,000	550,000	TTDH2ACPX
251	DK22110828	Phan Doãn Khánh	Nam	02/02/1988	60,000	240,000	550,000	TTD13A1KA
252	DK22110066	Phạm Hoàng Khánh	Nam	16/06/1992	60,000	240,000	550,000	TTDENQ7C4
253	DK22110526	Bùi Nguyên Khánh	Nam	29/08/1998	60,000	240,000	550,000	TTD18VHJ1
254	DK22110029	Lê Hoàng Khánh	Nam	03/11/1996	60,000	240,000	550,000	TTDH46V6W
255	DK22110372	Vũ Ngân Khánh	Nữ	15/06/1999	60,000	240,000	550,000	TTDZW83WV
256	DK22110415	Nguyễn Ngọc Khánh	Nam	17/01/1998	60,000	240,000	550,000	TTD27SA5H
257	DK22110411	Bùi Thế Khánh	Nam	29/05/1994	60,000	240,000	550,000	TTDZPXDWA
258	DK22110584	Đoàn Văn Khánh	Nam	26/08/1994	60,000	240,000	550,000	TTDKEZU62
259	DK22110779	Nguyễn Thị Khoa	Nữ	06/01/1989	60,000	240,000	550,000	TTDSQ9HPQ
260	DK22120402	Nguyễn Hồng Khôi	Nam	13/11/1992	60,000	240,000	550,000	TTDRQQD49
261	DK22120494	Kiều Đức Khuê	Nam	28/05/1998	60,000	240,000	550,000	TTDG9144A
262	DK22120071	Nguyễn Tùng Lâm	Nam	01/05/1999	60,000	240,000	550,000	TTD6KUKGE
263	DK22120444	Trần Ngọc Lâm	Nam	20/02/1998	60,000	240,000	550,000	TTDJVQ5WC
264	DK22110076	Vũ Thị Lan	Nữ	01/04/1990	60,000	240,000	550,000	TTDNF5D8J
265	DK22110607	Đặng Quốc Lập	Nam	01/06/1994	60,000	240,000	550,000	TTD11S3P6
266	DK22120414	Phạm Thị Liên	Nữ	27/07/1993	60,000	240,000	550,000	TTDSXWUCV
267	DK22120576	Vi Thị Mai Liên	Nữ	08/05/1996	60,000	240,000	550,000	TTDS2CZ9K
268	DK22120438	Hoàng Thị Kim Liên	Nữ	08/02/1997	60,000	240,000	550,000	TTD8BYEP3
269	DK22110130	Hồ Thị Linh	Nữ	02/02/1998	60,000	360,000	430,000	TTD8GKYZA
270	DK22110150	Nguyễn Khánh Linh	Nữ	06/05/1996	60,000	360,000	430,000	TTDZ6Y3EH

STT	Mã đăng ký	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Lệ phí thụ lý_ĐÃ NỘP	Lệ phí thi - ĐÃ NỘP	Số tiền còn phải nộp thêm	Mã thanh toán
271	DK22110157	Nguyễn Mạnh Linh	Nam	02/10/1993	60,000	360,000	430,000	TTDUPG31U
272	DK21214049	Đậu Thị Huệ Linh	Nữ	02/09/1990	60,000	360,000	430,000	TTDCJPSD2
273	DK22110438	Trần Nhật Linh	Nữ	13/09/1999	60,000	240,000	550,000	TTDZ7C1P7
274	DK22120132	Trần Hà Linh	Nữ	15/11/1997	60,000	240,000	550,000	TTDP1NYPN
275	DK22110761	Trịnh Mỹ Linh	Nữ	18/01/1996	60,000	240,000	550,000	TTD6XP7ND
276	DK22110836	Nguyễn Thị Mỹ Linh	Nữ	18/07/1996	60,000	240,000	550,000	TTDN8HKWU
277	DK22120645	Phan Thuý Linh	Nữ	27/10/1988	60,000	240,000	550,000	TTDQVC8F4
278	DK22110731	Nguyễn Thị Trang Linh	Nữ	02/07/1999	60,000	240,000	550,000	TTDHSRQ9W
279	DK22110856	Phạm Thị Diệu Linh	Nữ	25/11/1998	60,000	240,000	550,000	TTD5596KW
280	DK22110359	Phạm Thùy Linh	Nữ	28/08/1998	60,000	240,000	550,000	TTD68K657
281	DK22110075	Trần Thị Diệu Linh	Nữ	12/09/1998	60,000	240,000	550,000	TTDAVKHHS
282	DK22110739	Nguyễn Thị Hà Linh	Nữ	07/08/1995	60,000	240,000	550,000	TTDEP621R
283	DK22120537	Nguyễn Ngọc Linh	Nữ	22/10/1995	60,000	240,000	550,000	TTDZQNKNP
284	DK22120596	Nguyễn Thị Linh	Nữ	20/04/1995	60,000	240,000	550,000	TTDPHZAGU
285	DK22120300	Tô Khánh Linh	Nữ	20/08/1997	60,000	240,000	550,000	TTD7WS2RK
286	DK21222776	Lê Nguyễn Khánh Linh	Nữ	24/11/1999	60,000	240,000	550,000	TTD1EWN8X
287	DK22120391	Vũ Thùy Linh	Nữ	16/01/1999	60,000	240,000	550,000	TTD8JZF9N
288	DK22110581	Hoàng Diệu Linh	Nữ	30/08/1995	60,000	240,000	550,000	TTD2UZJHN
289	DK22110670	Hoàng Diệu Linh	Nữ	09/04/1995	60,000	240,000	550,000	TTDXCS6RK
290	DK22120436	Nguyễn Thị Huyền Linh	Nữ	07/05/1999	60,000	240,000	550,000	TTDJZSEU8
291	DK22110518	Nguyễn Thùy Linh	Nữ	08/02/1997	60,000	240,000	550,000	TTD78ZQ8G
292	DK22110510	Phạm Thùy Linh	Nữ	07/04/1998	60,000	240,000	550,000	TTDY635SN
293	DK22110367	Nguyễn Thị Phương Linh	Nữ	04/12/1999	60,000	240,000	550,000	TTD5EW8BA
294	DK22110395	Nguyễn Thị Khánh Linh	Nữ	16/10/1994	60,000	240,000	550,000	TTDVENZFC
295	DK22110407	Nguyễn Thị Thùy Linh	Nữ	02/06/1998	60,000	240,000	550,000	TTDB26GPH
296	DK22110114	Trần Thùy Linh	Nữ	12/09/1992	60,000	240,000	550,000	TTDQDKRAZ
297	DK22110093	Nguyễn Thị Khánh Linh	Nữ	15/07/1998	60,000	240,000	550,000	TTDZZ4BR1
298	DK22110195	Tô Kim Diệp Linh	Nữ	21/08/1998	60,000	240,000	550,000	TTDDR9HXE
299	DK22110192	Phạm Hoàng Diệu Linh	Nữ	24/08/1995	60,000	240,000	550,000	TTDW4BGD2
300	DK22120085	Lê Phương Linh	Nữ	19/11/1996	60,000	240,000	550,000	TTDJFV2KS
301	DK22120171	Nguyễn Thị Diệu Linh	Nữ	04/07/1997	60,000	240,000	550,000	TTDGG3GFC
302	DK22110318	Phạm Thủy Linh	Nữ	14/03/1997	60,000	240,000	550,000	TTDVDEUYQ
303	DK22110773	Đặng Thị Loan	Nữ	05/09/1984	60,000	240,000	550,000	TTD6NA17Q
304	DK21213377	Trần Hoàng Loan	Nữ	13/12/1988	60,000	240,000	550,000	TTDPUEGHF
305	DK22120421	Ngô Xuân Lộc	Nam	23/02/1995	60,000	240,000	550,000	TTDFVHG9C
306	DK22110507	Nguyễn Khánh Long	Nam	15/08/1994	60,000	240,000	550,000	TTDW7XWBH
307	DK22120236	Trần Dũng Long	Nam	22/10/1997	60,000	240,000	550,000	TTDAZJUE1
308	DK22110102	Vũ Ngọc Long	Nam	07/03/1998	60,000	240,000	550,000	TTDAK5ASG
309	DK22120435	Bùi Đức Long	Nam	24/12/1989	60,000	240,000	550,000	TTDER59US
310	DK22110521	Lê Hữu Lực	Nam	20/12/1988	60,000	240,000	550,000	TTD7R61UY
311	DK22110087	Trần Thị Thanh Lương	Nữ	02/03/1996	60,000	240,000	550,000	TTDGA3D64
312	DK22110284	Lại Thị Lượng	Nữ	13/04/1997	60,000	240,000	550,000	TTDEDB638

STT	Mã đăng ký	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Lệ phí thụ lý_ĐÃ NỘP	Lệ phí thi - ĐÃ NỘP	Số tiền còn phải nộp thêm	Mã thanh toán
313	DK22110347	Lê Thị Hoàng Lưu	Nữ	08/08/1997	60,000	240,000	550,000	TTDRJC75K
314	DK22120580	Trịnh Thị Luyến	Nữ	22/05/1978	60,000	240,000	550,000	TTDUY3HQY
315	DK22110684	Nguyễn Thị Khánh Ly	Nữ	01/04/1994	60,000	240,000	550,000	TTDZ9F4E3
316	DK22110110	Nguyễn Phương Ly	Nữ	10/05/1999	60,000	240,000	550,000	TTDU8GVYR
317	DK21213948	Nguyễn Bảo Ly	Nữ	16/12/1994	60,000	240,000	550,000	TTDA769ZR
318	DK22110491	Ngô Thị Minh Lý	Nữ	07/04/1994	60,000	240,000	550,000	TTD9A93JW
319	DK22110711	Đào Phú Diệu Mai	Nữ	18/10/1989	60,000	240,000	550,000	TTDGEUYRU
320	DK22110216	Phan Ngọc Mai	Nữ	26/03/1996	60,000	240,000	550,000	TTDUA4SUD
321	DK22110385	Trần Thị Tuyết Mai	Nữ	30/04/1997	60,000	240,000	550,000	TTDJNWDCW
322	DK22120604	Trịnh Ngọc Mai	Nữ	13/04/1999	60,000	240,000	550,000	TTDD8WDK2
323	DK22110174	Hoàng Ngọc Mai	Nữ	10/05/1995	60,000	240,000	550,000	TTDKYPX4A
324	DK22110267	Lê Thanh Mai	Nữ	21/04/1984	60,000	240,000	550,000	TTD6922XX
325	DK22110754	Nguyễn Xuân Mạnh	Nam	20/11/1996	60,000	240,000	550,000	TTD6CUDDU
326	DK22110475	Nguyễn Đức Mạnh	Nam	12/11/1991	60,000	240,000	550,000	TTD33B1ZB
327	DK22120613	Nguyễn Thị Cẩm Mi	Nữ	26/07/1997	60,000	240,000	550,000	TTD8362PK
328	DK22110325	Bùi Trường Minh	Nam	13/07/1998	60,000	240,000	550,000	TTDHW3QUR
329	DK22110571	Nguyễn Trọng Minh	Nam	15/12/1991	60,000	240,000	550,000	TTDAH88J6
330	DK22120590	Nguyễn Tiến Minh	Nam	26/12/1990	60,000	240,000	550,000	TTD7G1RUD
331	DK22120495	Tống Duy Minh	Nam	06/11/1996	60,000	240,000	550,000	TTDDJEESS
332	DK22120060	Lương Đức Minh	Nam	8/12/1999	60,000	240,000	550,000	TTD5QDRD7
333	DK22110820	Nguyễn Vũ Nguyệt Minh	Nữ	20/02/1991	60,000	240,000	550,000	TTD77RCD5
334	DK21113010	Nông Thị Kiều My	Nữ	15/09/1991	60,000	360,000	430,000	TTD6ARG6Z
335	DK21213975	Trần Thị Hải My	Nữ	05/10/1999	60,000	240,000	550,000	TTDSNSABP
336	DK22110681	Hương Trà My	Nữ	08/02/1985	60,000	240,000	550,000	TTDKCNHXU
337	DK22120612	Lê Hoàng Nam	Nam	09/09/1998	60,000	240,000	550,000	TTD22U7DJ
338	DK22120440	Nguyễn Nhật Nam	Nam	23/02/1993	60,000	240,000	550,000	TTDCF2Z2F
339	DK22110317	Trần Hữu Nam	Nam	04/11/1988	60,000	240,000	550,000	TTD54E2RW
340	DK21213774	Đinh Hoài Nam	Nam	28/04/1999	60,000	240,000	550,000	TTDKF5R68
341	DK22110228	Vũ Văn Năm	Nam	20/10/1983	60,000	240,000	550,000	TTDA5YUGA
342	DK22110834	Lý Thanh Hằng Nga	Nữ	18/01/1998	60,000	240,000	550,000	TTD7RUVB4
343	DK22120476	Đinh Thị Thu Nga	Nữ	20/11/1993	60,000	240,000	550,000	TTDX977AD
344	DK22110212	Nguyễn Thị Phương Nga	Nữ	25/12/1999	60,000	240,000	550,000	TTDYF1XX2
345	DK22110234	Mai Thị Thúy Nga	Nữ	07/11/1997	60,000	240,000	550,000	TTDEUBBYN
346	DK22110158	Nguyễn Thị Bích Nga	Nữ	6/12/1995	60,000	240,000	550,000	TTDUHVWCW
347	DK22120398	Nguyễn Thị Quỳnh Nga	Nữ	13/10/1997	60,000	240,000	550,000	TTDU5V41C
348	DK22110762	Lê Thị Thanh Ngà	Nữ	04/09/1996	60,000	240,000	550,000	TTDQAGCY3
349	DK22110649	Nguyễn Thúy Ngà	Nữ	25/02/1992	60,000	240,000	550,000	TTDAVVH64
350	DK22110238	Chu Thị Ngàn	Nữ	09/02/1985	60,000	360,000	430,000	TTD3DY9GR
351	DK21113172	Hoàng Thị Ngân	Nữ	01/05/1978	60,000	360,000	430,000	TTDSKAD75
352	DK22110843	Phùng Thị Ngân	Nữ	09/04/1992	60,000	240,000	550,000	TTDYHANEW
353	DK22110477	Cầm Văn Nghị	Nam	06/11/1999	60,000	240,000	550,000	TTDCN9C3G
354	DK22110217	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	Nữ	15/09/1997	60,000	360,000	430,000	TTDRPC1H2
355	DK22110035	Ngô Thị Bích Ngọc	Nữ	31/05/1997	60,000	360,000	430,000	TTDVQ7VCD
356	DK21213842	Lăng Bảo Ngọc	Nam	10/01/1989	60,000	360,000	430,000	TTDVQBGYH

STT	Mã đăng ký	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Lệ phí thụ lý_ĐÃ NỘP	Lệ phí thi - ĐÃ NỘP	Số tiền còn phải nộp thêm	Mã thanh toán
357	DK22120506	Dương Hồng Ngọc	Nữ	02/11/1993	60,000	240,000	550,000	TTD8DY413
358	DK22120668	Vũ Thị Hồng Ngọc	Nữ	22/03/1993	60,000	240,000	550,000	TTDYZ2413
359	DK22120329	Nguyễn Bích Ngọc	Nữ	27/06/1995	60,000	240,000	550,000	TTDWWC5JY
360	DK22110766	Nguyễn Bích Ngọc	Nữ	28/7/1984	60,000	240,000	550,000	TTD9AHN54
361	DK22120268	Đồng Nguyễn Vân Ngọc	Nữ	24/10/1998	60,000	240,000	550,000	TTDBZEHYP
362	DK22110101	Lê Thị Bích Ngọc	Nữ	27/07/1988	60,000	240,000	550,000	TTDNW5428
363	DK22120478	Nguyễn Hoàng Hồng Ngọc	Nữ	22/02/1998	60,000	240,000	550,000	TTDRJY3E1
364	DK22110785	Nguyễn Thị Ngọc	Nữ	18/10/1992	60,000	240,000	550,000	TTDEXKCWK
365	DK22120676	Phạm Nguyễn Bảo Ngọc	Nữ	10/12/1998	60,000	240,000	550,000	TTD71Z5NJ
366	DK22110121	Trần Hạnh Nguyên	Nữ	24/09/1994	60,000	240,000	550,000	TTD24X1NC
367	DK22110034	Lê Thu Nguyệt	Nữ	03/05/1991	60,000	360,000	430,000	TTDGBU6XP
368	DK22110008	Mai Ánh Nguyệt	Nữ	14/12/1987	60,000	360,000	430,000	TTDWW2Y1P
369	DK21222613	Phạm Thị Nhàn	Nữ	08/04/1995	60,000	240,000	550,000	TTD32Z61V
370	DK22110609	Trịnh Thị Thanh Nhàn	Nữ	3/9/1995	60,000	240,000	550,000	TTDDF27DD
371	DK22110321	Trần Văn Nhất	Nam	17/06/1999	60,000	240,000	550,000	TTDBRJ51Z
372	DK22120677	Nguyễn Hà Nhi	Nữ	26/10/1999	60,000	240,000	550,000	TTDDGSG5J
373	DK22110403	Nguyễn Hải Nhi	Nữ	18/08/1995	60,000	240,000	550,000	TTDX6FDWA
374	DK21222891	Vũ Thị Quỳnh Như	Nữ	06/11/1999	60,000	240,000	550,000	TTDKV6YC3
375	DK22110619	Bùi Huỳnh Như	Nữ	12/10/1995	60,000	240,000	550,000	TTD56Q858
376	DK22110391	Hoàng Quỳnh Như	Nữ	31/01/1999	60,000	240,000	550,000	TTDYN76BR
377	DK22110242	Phan Thị Cẩm Nhung	Nữ	28/04/1998	60,000	360,000	430,000	TTDBA1DFX
378	DK22110186	Trần Thị Nhung	Nữ	30/08/1996	60,000	240,000	550,000	TTD488B71
379	DK22120575	Nguyễn Cẩm Nhung	Nữ	19/10/1997	60,000	240,000	550,000	TTD2YPU57
380	DK22110099	Hoàng Thị Nhung	Nữ	15/11/1995	60,000	240,000	550,000	TTDFE2ZRD
381	DK22120302	Ngô Thùy Ninh	Nữ	17/01/1994	60,000	240,000	550,000	TTD7HBAEB
382	DK22110185	Nguyễn Thị Kim Oanh	Nữ	24/07/1976	60,000	240,000	550,000	TTD617PEE
383	DK22110257	Nguyễn Hoàng Oanh	Nữ	10/02/1995	60,000	240,000	550,000	TTDQDG8BN
384	DK22120617	Hoàng Thị Kim Oanh	Nữ	09/12/1998	60,000	240,000	550,000	TTD2Q1W8R
385	DK22120024	Đỗ Thị Oanh	Nữ	22/08/1994	60,000	240,000	550,000	TTDDK4QUU
386	DK22110382	Trần Thế Phong	Nam	15/9/1997	60,000	240,000	550,000	TTDJXHXWH
387	DK22110329	Nguyễn Văn Phong	Nam	06/08/1980	60,000	240,000	550,000	TTDEGVJQF
388	DK22110261	Trương Văn Phú	Nam	15/12/1997	60,000	240,000	550,000	TTDNW78JD
389	DK22110360	Đậu Thị Hoài Phương	Nữ	25/11/1987	60,000	360,000	430,000	TTDDW43UG
390	DK22120425	Đỗ Thu Phương	Nữ	23/06/1998	60,000	240,000	550,000	TTDKDKKZY
391	DK21222541	Phạm Thị Phương	Nữ	13/3/1979	60,000	360,000	430,000	TTDPGCFU8
392	DK22120636	Trịnh Thị Phương	Nữ	24/02/1998	60,000	240,000	550,000	TTDYFBSKS
393	DK22120432	Nguyễn Khánh Phương	Nữ	05/03/1997	60,000	240,000	550,000	TTDDGZRQA
394	DK22110508	Lê Thị Phương	Nữ	25/06/1996	60,000	240,000	550,000	TTDX3HZ6K
395	DK22110361	Nguyễn Cao Phương	Nam	21/07/1987	60,000	240,000	550,000	TTDAGP8DP
396	DK22110145	Trần Lê Phương	Nam	21/10/1989	60,000	240,000	550,000	TTDZZHRXK
397	DK22110689	Phạm Thị Mai Phương	Nữ	13/07/1997	60,000	240,000	550,000	TTD35UQN8
398	DK22110612	Lò Thị Mai Phương	Nữ	30/11/1988	60,000	0	790,000	TTD7GB5V7
399	DK22110613	Hà Thị Minh Phương	Nữ	13/09/1994	60,000	240,000	550,000	TTDQND9SY

STT	Mã đăng ký	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Lệ phí thụ lý_ĐÃ NỘP	Lệ phí thi - ĐÃ NỘP	Số tiền còn phải nộp thêm	Mã thanh toán
400	DK22110635	Lò Thị Nam Phương	Nữ	09/11/1994	60,000	240,000	550,000	TTD8F499H
401	DK22110420	Lương Bảo Phương	Nữ	16/02/1998	60,000	240,000	550,000	TTD5NW8W9
402	DK22120313	Nguyễn Việt Phương	Nam	12/06/1979	60,000	240,000	550,000	TTDCG3ZYA
403	DK22110702	Nguyễn Hà Phương	Nữ	07/09/1997	60,000	240,000	550,000	TTDE2RQHR
404	DK22110721	Lê Hà Phương	Nữ	12/06/1999	60,000	240,000	550,000	TTDGS9R26
405	DK22120502	Mai Thị Huyền Phương	Nữ	29/01/1996	60,000	240,000	550,000	TTDK4U7P1
406	DK21213938	Bùi Thị Phượng	Nữ	03/10/1989	60,000	360,000	430,000	TTD3RF927
407	DK22120371	Trần Minh Phượng	Nữ	01/08/1996	60,000	240,000	550,000	TTD6XCHQ4
408	DK22110673	Hoàng Bình Quân	Nam	15/10/1999	60,000	240,000	550,000	TTDXBCRWR
409	DK22110191	Đinh Xuân Hải Quân	Nam	20/09/1988	60,000	240,000	550,000	TTDW6G2VE
410	DK22110236	Nguyễn Xuân Quý	Nam	28/06/1996	60,000	240,000	550,000	TTDYY26NS
411	DK22110095	Nghiêm Lệ Quyên	Nữ	//1989	60,000	240,000	550,000	TTDDBF54C
412	DK22110072	Nguyễn Thị Thu Quyên	Nữ	07/10/1996	60,000	240,000	550,000	TTD4NHBE6
413	DK22110433	Bùi Trọng Quyền	Nam	13/04/1991	60,000	240,000	550,000	TTD2PQ4Y4
414	DK22110837	Nguyễn Như Quỳnh	Nữ	25/09/1992	60,000	240,000	550,000	TTD3VZ63F
415	DK22110445	Đinh Thị Kim Quỳnh	Nữ	17/5/1999	60,000	240,000	550,000	TTDZ95HGN
416	DK22110523	Lê Thị Quỳnh	Nữ	08/08/1996	60,000	240,000	550,000	TTDGF38UR
417	DK22120516	Nguyễn Như Quỳnh	Nữ	25/11/1999	60,000	240,000	550,000	TTDFU6QVN
418	DK22110305	Trần Thị Sen	Nữ	20/11/1992	60,000	240,000	550,000	TTD2ASV2W
419	DK22110024	Nguyễn Anh Sơn	Nam	23/10/1989	60,000	360,000	430,000	TTDNYQ43A
420	DK21213619	Hoàng Duy Sơn	Nam	18/08/1984	60,000	360,000	430,000	TTDGZ2588
421	DK22110697	Trần Anh Sơn	Nam	29/10/1994	60,000	240,000	550,000	TTDSW9W1S
422	DK21213118	Nguyễn Trường Sơn	Nam	19/02/1992	60,000	240,000	550,000	TTDCQV4GP
423	DK22110299	Chu Tiến Sơn	Nam	04/09/1997	60,000	240,000	550,000	TTDNFEQRY
424	DK22110579	Trương Duy Sơn	Nam	17/02/1995	60,000	240,000	550,000	TTD63ED38
425	DK22110706	Trần Văn Sơn	Nam	28/07/1996	60,000	240,000	550,000	TTDW2YVAU
426	DK22110860	Vũ Hoàng Sơn	Nam	17/02/1991	60,000	240,000	550,000	TTD7GGEA5
427	DK21213957	Nguyễn Đức Tài	Nam	19/05/1994	60,000	360,000	430,000	TTDBF8B68
428	DK22120568	Phạm Đức Tài	Nam	22/11/1997	60,000	240,000	550,000	TTD24SDNZ
429	DK22110231	Lưu Thị Thanh Tâm	Nữ	09/01/1998	60,000	360,000	430,000	TTDWYVP66
430	DK22110297	Đới Thị Tâm	Nữ	18/03/1993	60,000	240,000	550,000	TTD29W2RQ
431	DK22110759	Nguyễn Ngọc Tân	Nam	10/10/1992	60,000	240,000	550,000	TTD4VN8UN
432	DK22120308	Nguyễn Cơ Thạch	Nam	30/12/1997	60,000	240,000	550,000	TTDUZUC3D
433	DK22110492	Phạm Minh Thái	Nam	03/11/1997	60,000	240,000	550,000	TTDV5WC4S
434	DK22110425	Bùi Minh Thái	Nữ	12/08/1987	60,000	240,000	550,000	TTDSPZSEH
435	DK22110082	Phạm Hồng Thái	Nam	18/08/1999	60,000	240,000	550,000	TTDR872QJ
436	DK22110085	Trần Quang Thái	Nam	02/04/1998	60,000	240,000	550,000	TTDYSCKBK
437	DK21213860	Vũ Đình Thân	Nam	14/02/1966	60,000	360,000	430,000	TTDJDV585
438	DK22110190	Vũ Toàn Thắng	Nam	26/03/1993	60,000	360,000	430,000	TTDCKXHPN
439	DK22110603	Nguyễn Đức Thắng	Nam	28/12/1999	60,000	240,000	550,000	TTDGVS4UW
440	DK22110328	Phan Ngọc Thắng	Nam	10/10/1987	60,000	240,000	550,000	TTD2Y61DC
441	DK21213418	Nguyễn Văn Thắng	Nam	15/09/1991	60,000	240,000	550,000	TTDS9NDWP
442	DK22110409	Nguyễn Phúc Thắng	Nam	15/12/1993	60,000	240,000	550,000	TTDG8R54A
443	DK22120564	Trần Thị Thanh	Nữ	08/08/1994	60,000	240,000	550,000	TTDN6GJRX
444	DK21112961	Nguyễn Thị Thanh	Nữ	07/04/1994	60,000	240,000	550,000	TTDG17NHV

STT	Mã đăng ký	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Lệ phí thụ lý_ĐÃ NỘP	Lệ phí thi - ĐÃ NỘP	Số tiền còn phải nộp thêm	Mã thanh toán
445	DK22110214	Lê Ngọc Thanh	Nam	01/06/1987	60,000	240,000	550,000	TTDK3QCW4
446	DK22110189	Nguyễn Thị Thanh	Nữ	29/09/1990	60,000	240,000	550,000	TTDD32V16
447	DK22110514	Nguyễn Như Thanh	Nữ	23/10/1998	60,000	240,000	550,000	TTDPSKZRB
448	DK21230811	Lò Văn Thành	Nam	12/10/1993	60,000	360,000	430,000	TTDKFFSB3
449	DK21223045	Long Văn Thành	Nam	10/10/1975	60,000	360,000	430,000	TTDVJ71S4
450	DK22110699	Bùi Trần Thành	Nam	19/09/1996	60,000	240,000	550,000	TTDD9YE4B
451	DK22120477	Nguyễn Công Thành	Nam	09/09/1997	60,000	240,000	550,000	TTDWVUHFD
452	DK22110545	Nguyễn Tất Thành	Nam	07/10/1997	60,000	240,000	550,000	TTDH2XD5F
453	DK22110570	Phạm Kim Thành	Nam	07/12/1997	60,000	240,000	550,000	TTDYN1BFN
454	DK22110568	Bùi Xuân Thành	Nam	27/09/1994	60,000	240,000	550,000	TTDU6AW6Q
455	DK22120118	Lê Trung Thành	Nam	15/10/1997	60,000	240,000	550,000	TTD7A1YY3
456	DK22110700	Bùi Trần Thành	Nam	19/09/1996	60,000	240,000	550,000	TTD73NSFA
457	DK22110730	Đỗ Quốc Thành	Nam	07/10/1998	60,000	240,000	550,000	TTDKWR1KD
458	DK21213726	Nguyễn Phương Thảo	Nữ	09/11/1992	60,000	360,000	430,000	TTDX42FC2
459	DK22110049	Hoàng Thị Phương Thảo	Nữ	06/05/1986	60,000	360,000	430,000	TTD4N3AQK
460	DK22110418	Trần Phương Thảo	Nữ	20/09/1998	60,000	240,000	550,000	TTDPGCV1Y
461	DK22110741	Vũ Thị Phương Thảo	Nữ	25/09/1998	60,000	240,000	550,000	TTDVG7ZUR
462	DK22110028	Nguyễn Thị Thảo	Nữ	16/11/1992	60,000	240,000	550,000	TTDRYV28P
463	DK22110244	Thái Lê Hương Thảo	Nữ	01/09/1996	60,000	240,000	550,000	TTD7Q4ADF
464	DK22120534	Trần Lê Phương Thảo	Nữ	20/08/1997	60,000	240,000	550,000	TTD5SH84F
465	DK22110463	Nguyễn Thị Phương Thảo	Nữ	29/10/1996	60,000	240,000	550,000	TTDE3NFC8
466	DK22110590	Dương Văn Thể	Nam	01/10/1995	60,000	240,000	550,000	TTD6KGZQ3
467	DK22110450	Hà Thị Thêm	Nữ	20/12/1987	60,000	240,000	550,000	TTDHEF83X
468	DK21213479	Nguyễn Kim Thi	Nữ	12/10/1992	60,000	360,000	430,000	TTD2Z9NA4
469	DK21213987	Hoàng Sáng Thiện	Nam	13/12/1981	60,000	360,000	430,000	TTDW6QR5K
470	DK22120370	Lưu Quốc Thiện	Nam	14/01/1994	60,000	240,000	550,000	TTDXDQPDD
471	DK22110471	Đoàn Thị Thịm	Nữ	03/04/1987	60,000	240,000	550,000	TTDDJ6UXE
472	DK22110573	Ngô Sỹ Thịnh	Nam	09/07/1997	60,000	240,000	550,000	TTDBR7WZC
473	DK22110659	Nguyễn Vũ Thọ	Nam	26/06/1995	60,000	240,000	550,000	TTDPHESX8
474	DK22120064	Lưu Thị Thoa	Nữ	05/09/1996	60,000	0	790,000	TTDGJBNU1
475	DK22110047	Trần Thị Xuân Thu	Nữ	04/06/1994	60,000	360,000	430,000	TTD9H9B7H
476	DK22110062	Nguyễn Thị Thanh Thư	Nữ	21/01/1997	60,000	240,000	550,000	TTDGFZ3A6
477	DK22110280	Vũ Đình Thư	Nam	16/03/1986	60,000	240,000	550,000	TTDJJDN3P
478	DK22120638	Nguyễn Thị Linh Thuận	Nữ	22/07/1993	60,000	240,000	550,000	TTDSH3WQF
479	DK22120593	Trần Hà Thuận	Nam	05/10/1982	60,000	240,000	550,000	TTDZ6JAK1
480	DK22120044	Nguyễn Trung Thực	Nam	1/8/1997	60,000	240,000	550,000	TTDD3DBGJ
481	DK21213862	Nguyễn Thị Hoài Thương	Nữ	15/7/1997	60,000	240,000	550,000	TTDZRZ5KC
482	DK22120547	Phạm Thị Thương Thương	Nữ	05/03/1993	60,000	240,000	550,000	TTDD2WWSA
483	DK22110187	Vũ Thị Thuý	Nữ	18/09/1999	60,000	360,000	430,000	TTD75XQ63
484	DK22120057	Vũ Thu Thuỷ	Nữ	29/09/1999	60,000	240,000	550,000	TTDZ37AEX
485	DK22110326	Lê Thị Thuỷ	Nữ	06/10/1990	60,000	240,000	550,000	TTD8H99VN

STT	Mã đăng ký	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Lệ phí thụ lý_ĐÃ NỘP	Lệ phí thi - ĐÃ NỘP	Số tiền còn phải nộp thêm	Mã thanh toán
486	DK21112843	Trịnh Thị Chiều Thúy	Nữ	18/11/1989	60,000	360,000	430,000	TTDFDJSWQ
487	DK22110056	Nguyễn Thị Diệu Thúy	Nữ	05/07/1987	60,000	240,000	550,000	TTD1W5FGQ
488	DK22120540	Đặng Thị Thúy	Nữ	16/10/1993	60,000	240,000	550,000	TTDH9YWJC
489	DK22110073	Trần Thị Thúy	Nữ	06/07/1989	60,000	240,000	550,000	TTDN9NZYV
490	DK22120441	Nguyễn Phương Thúy	Nữ	02/02/1991	60,000	240,000	550,000	TTD9KC3P1
491	DK22110259	Phạm Thị Thanh Thùy	Nữ	04/06/1982	60,000	240,000	550,000	TTD9U52UP
492	DK22110011	Đặng Thu Thủy	Nữ	04/11/1996	60,000	360,000	430,000	TTD5S1Y96
493	DK22110014	Bùi Thị Hồng Thủy	Nữ	28/02/1993	60,000	360,000	430,000	TTDJSPC91
494	DK22120434	Vũ Thị Thủy	Nữ	20/10/1986	60,000	240,000	550,000	TTDJRNRUP
495	DK22110473	Vũ Thanh Thủy	Nữ	03/11/1999	60,000	240,000	550,000	TTDNCSH4V
496	DK22110178	Nguyễn Thanh Thủy	Nữ	01/10/1980	60,000	240,000	550,000	TTDA19WRH
497	DK22110165	Nguyễn Thị Bích Thủy	Nữ	04/07/1985	60,000	240,000	550,000	TTDBGKXWW
498	DK22110033	Nguyễn Thu Thủy	Nữ	17/08/1997	60,000	240,000	550,000	TTD81SN4Z
499	DK22110563	Bùi Trung Thủy	Nam	25/06/1995	60,000	240,000	550,000	TTDPEB6BY
500	DK22120480	Hà Thị Thu Thủy	Nữ	09/02/1994	60,000	240,000	550,000	TTD2NWZ1J
501	DK22110182	Thạch Khánh Tiến	Nam	03/06/1996	60,000	240,000	550,000	TTDNRA6Y1
502	DK22110207	Nguyễn Minh Tiến	Nam	21/01/1999	60,000	240,000	550,000	TTDVEHHKB
503	DK22110583	Hoàng Minh Tiến	Nam	27/04/1993	60,000	240,000	550,000	TTDUQ6PJN
504	DK22120416	Phạm Hữu Việt Tiến	Nam	07/05/1996	60,000	240,000	550,000	TTDRBBJSZ
505	DK22110529	Đỗ Thị Tình	Nữ	21/10/1995	60,000	240,000	550,000	TTDJ8YQGP
506	DK21222972	Phạm Đức Toàn	Nam	25/09/1989	60,000	240,000	550,000	TTDJXXAY8
507	DK21222771	Phạm Khánh Toàn	Nam	31/01/1997	60,000	360,000	430,000	TTD1UB9GW
508	DK22120583	Đỗ Đức Toàn	Nam	03/09/1999	60,000	240,000	550,000	TTDJKGN19
509	DK22120028	Phạm Quốc Toản	Nam	02/03/1999	60,000	240,000	550,000	TTDXHWDYY
510	DK22120152	Nguyễn Thanh Toản	Nam	28/07/1991	60,000	240,000	550,000	TTDUNGJ5A
511	DK22120511	Bùi Hương Trà	Nữ	23/10/1999	60,000	240,000	550,000	TTDR229NC
512	DK22110844	Nguyễn Hương Trà	Nữ	31/12/1993	60,000	240,000	550,000	TTDZVWRA4
513	DK22110128	Hoàng Thị Sinh Trà	Nữ	16/06/1999	60,000	240,000	550,000	TTD63KY53
514	DK22120532	Hoàng Ngọc Trâm	Nữ	01/02/1999	60,000	240,000	550,000	TTDXWJUCC
515	DK22110010	Nguyễn Thị Hiền Trang	Nữ	01/09/1984	60,000	360,000	430,000	TTDBAED5N
516	DK22110004	Lý Hà Trang	Nữ	18/01/1997	60,000	360,000	430,000	TTDBPNG46
517	DK21213920	Đỗ Thị Trang	Nữ	27/02/1992	60,000	360,000	430,000	TTDFSXH13
518	DK22110140	Nguyễn Thùy Trang	Nữ	14/02/1997	60,000	360,000	430,000	TTDKPGYN9
519	DK21112984	Nông Thị Hà Trang	Nữ	11/5/1995	60,000	360,000	430,000	TTD7Y1S67
520	DK22120517	Lê Quỳnh Trang	Nữ	24/04/1995	60,000	240,000	550,000	TTD7GQQFE
521	DK22220693	Lê Huyền Trang	Nữ	12/04/1991	60,000	240,000	550,000	TTDCG6PZD
522	DK22110264	Trần Thị Thu Trang	Nữ	11/05/2000	60,000	240,000	550,000	TTDKEJWZF
523	DK22120334	Hà Kiều Trang	Nữ	15/10/1993	60,000	240,000	550,000	TTDE9P31A
524	DK22120431	Trần Thị Thu Trang	Nữ	22/09/1994	60,000	240,000	550,000	TTD29Z4C6
525	DK22120499	Phạm Thuỳ Trang	Nữ	26/10/1989	60,000	240,000	550,000	TTDZJZS3P
526	DK22110074	Hoàng Thu Trang	Nữ	02/09/1998	60,000	240,000	550,000	TTDBV9DAF
527	DK22110626	Nguyễn Quỳnh Trang	Nữ	21/03/1999	60,000	240,000	550,000	TTDN3P8HS
528	DK22120503	Nguyễn Thùy Trang	Nữ	21/09/1997	60,000	240,000	550,000	TTDW186RN
529	DK22110664	Phạm Thị Trang	Nữ	23/05/1997	60,000	240,000	550,000	TTDG8JGBK
530	DK22110541	Nguyễn Thị Thu Trang	Nữ	27/11/1999	60,000	240,000	550,000	TTDKBVV6B

STT	Mã đăng ký	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Lệ phí thụ lý_ĐÃ NỘP	Lệ phí thi - ĐÃ NỘP	Số tiền còn phải nộp thêm	Mã thanh toán
531	DK22110422	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	Nữ	25/04/1986	60,000	240,000	550,000	TTD5V6EWE
532	DK22110279	Trịnh Thị Mai Trang	Nữ	10/09/1998	60,000	0	790,000	TTDSPURJZ
533	DK22110345	Đỗ Thị Huyền Trang	Nữ	20/09/1997	60,000	240,000	550,000	TTD6SBYEH
534	DK22110180	Đỗ Kiều Trang	Nữ	30/01/1999	60,000	240,000	550,000	TTDNX943D
535	DK22120448	Phạm Thị Thu Trang	Nữ	05/02/2000	60,000	240,000	550,000	TTDP9ZA68
536	DK22120492	Nguyễn Thùy Trang	Nữ	30/11/1999	60,000	240,000	550,000	TTDEXDZDY
537	DK21213897	Đỗ Thị Trang	Nữ	27/02/1992	60,000	240,000	550,000	TTDCG7KCN
538	DK22130016	Nguyễn Thị Trinh	Nữ	17/07/1994	60,000	240,000	550,000	TTDQ24HVC
539	DK22110108	Phạm Thành Trung	Nam	19/12/1994	60,000	360,000	430,000	TTDR7753N
540	DK22110068	Vũ Minh Trung	Nam	23/07/1988	60,000	240,000	550,000	TTDSNG22Q
541	DK22120427	Phạm Đức Trung	Nam	01/03/1992	60,000	240,000	550,000	TTD58E977
542	DK22110287	Hoàng Việt Trung	Nam	24/08/1998	60,000	240,000	550,000	TTDXZY1Z5
543	DK22110389	Hoàng Lê Trung	Nam	20/07/1999	60,000	240,000	550,000	TTDWJ8CW9
544	DK22110525	Bùi Đức Trung	Nam	04/03/1996	60,000	240,000	550,000	TTDBA3GZF
545	DK22120107	Nguyễn Quang Trung	Nam	20/06/1996	60,000	240,000	550,000	TTDRP3XHJ
546	DK22120523	Lê Thành Trung	Nam	18/07/1994	60,000	240,000	550,000	TTDXWN11N
547	DK22110564	Nguyễn Văn Trường	Nam	03/11/1992	60,000	240,000	550,000	TTD3UU9NY
548	DK22110866	Đặng Xuân Trường	Nam	17/01/1991	60,000	240,000	550,000	TTDDUVW4G
549	DK21222687	Vũ Xuân Trường	Nam	21/09/1994	60,000	240,000	550,000	TTDEQ611V
550	DK21213727	Nông Văn Trưởng	Nam	21/07/1975	60,000	360,000	430,000	TTD88Y6Q8
551	DK21213847	Trần Ngọc Tú	Nam	17/10/1991	60,000	360,000	430,000	TTDB3C9QD
552	DK22110397	Phan Thị Cẩm Tú	Nữ	30/5/1999	60,000	240,000	550,000	TTD1JRHKR
553	DK22110143	Lê Thanh Tú	Nữ	14/09/1994	60,000	240,000	550,000	TTDE96DA4
554	DK22110136	Bạch Cẩm Tú	Nữ	01/04/1997	60,000	240,000	550,000	TTD31U4XG
555	DK22110752	Phạm Anh Tú	Nam	03/01/1993	60,000	240,000	550,000	TTDH6HZY3
556	DK22110723	Hà Anh Tú	Nam	30/05/1995	60,000	240,000	550,000	TTDWXXHHB
557	DK21222944	Nguyễn Anh Tuấn	Nam	09/11/1978	60,000	360,000	430,000	TTDAP7384
558	DK22110838	Phạm Minh Tuấn	Nam	19/10/1992	60,000	240,000	550,000	TTDU2D17D
559	DK22110631	Nguyễn Bá Trung Tuấn	Nam	02/09/1994	60,000	240,000	550,000	TTD65F1F4
560	DK22110209	Nguyễn Anh Tuấn	Nam	23/09/1995	60,000	240,000	550,000	TTDGJSXW8
561	DK22110792	Hoàng Anh Tuấn	Nam	12/04/1984	60,000	240,000	550,000	TTDJ3WJA3
562	DK22110863	Nguyễn Lâm Tùng	Nam	11/08/1997	60,000	240,000	550,000	TTDFDHEZF
563	DK22110146	Hoàng Thanh Tùng	Nam	02/01/1992	60,000	360,000	430,000	TTD2EWKZ8
564	DK22120550	Phạm Đình Tùng	Nam	08/11/1999	60,000	240,000	550,000	TTDPPNNER
565	DK22110348	Nguyễn Vũ Sơn Tùng	Nam	08/10/1996	60,000	240,000	550,000	TTDBS8PHP
566	DK22110324	Nguyễn Thanh Tùng	Nam	20/03/1997	60,000	240,000	550,000	TTD82CX8H
567	DK22110268	Nguyễn Thanh Tùng	Nam	12/11/1992	60,000	240,000	550,000	TTDYHJ9A9
568	DK22110148	Lê Thanh Tùng	Nam	03/11/1997	60,000	240,000	550,000	TTDKGNF9F
569	DK22110662	Nguyễn Thanh Tùng	Nam	07/10/1991	60,000	240,000	550,000	TTDC6YYF3
570	DK22110574	Trần Thanh Tùng	Nam	25/08/1991	60,000	240,000	550,000	TTDDC5DYH
571	DK22110378	Vũ Văn Tuyên	Nam	11/05/1978	60,000	240,000	550,000	TTDPQ9V7C
572	DK21222945	Lê Thị Kim Tuyến	Nữ	25/10/1993	60,000	360,000	430,000	TTDXXNYRP
573	DK22120528	Mai Văn Tuyến	Nữ	08/09/1995	60,000	240,000	550,000	TTD8F9KWN
574	DK22110077	Nguyễn Văn Tuyến	Nam	10/09/1990	60,000	240,000	550,000	TTDCUH766

STT	Mã đăng ký	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Lệ phí thụ lý_ĐÃ NỘP	Lệ phí thi - ĐÃ NỘP	Số tiền còn phải nộp thêm	Mã thanh toán
575	DK22110494	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	Nữ	02/07/1995	60,000	240,000	550,000	TTD4BYGJZ
576	DK21213617	Đàm Thị Tuyết	Nữ	13/03/1984	60,000	360,000	430,000	TTDCG78R5
577	DK22110311	Lê Thị Tuyết	Nữ	11/08/1989	60,000	240,000	550,000	TTDUVJR2J
578	DK22110832	Nguyễn Vũ Ngọc Uyên	Nữ	23/08/1998	60,000	240,000	550,000	TTD53QAA5
579	DK22120272	Đoàn Thị Uyên	Nữ	22/01/1999	60,000	240,000	550,000	TTDUCRPEY
580	DK22110630	Bùi Thu Uyên	Nữ	16/12/1999	60,000	240,000	550,000	TTDQRWGQR
581	DK22110330	Nguyễn Thị Vân	Nữ	13/09/1999	60,000	240,000	550,000	TTD5Q3FRB
582	DK22120056	Phạm Thị Cẩm Vân	Nữ	10/12/1997	60,000	240,000	550,000	TTD6W4RWD
583	DK22110106	Nguyễn Thị Hải Vân	Nữ	07/05/1998	60,000	240,000	550,000	TTD9PU6HS
584	DK22110691	Mai Đức Việt	Nam	18/08/1988	60,000	240,000	550,000	TTDAF3GHB
585	DK22110808	Nguyễn Hoàng Việt	Nam	13/07/1991	60,000	240,000	550,000	TTDNFPW5A
586	DK21213557	Lê Quốc Việt	Nam	01/12/1997	60,000	240,000	550,000	TTDFU1ZV6
587	DK22120240	Hà Quang Vinh	Nam	24/10/1999	60,000	240,000	550,000	TTDQ6V88J
588	DK22120239	Lê Xuân Vương	Nam	13/11/1987	60,000	360,000	430,000	TTD8EJW5K
589	DK22120147	Lê Thị Xoan	Nữ	01/01/1986	60,000	240,000	550,000	TTDQ6F5JS
590	DK21222848	Nguyễn Thị Xuân	Nữ	29/11/1985	60,000	360,000	430,000	TTDP5C4R1
591	DK22110398	Nguyễn Văn Xuân	Nam	01/08/1999	60,000	240,000	550,000	TTD2NJC91
592	DK22110421	Vũ Thanh Xuân	Nam	24/03/1997	60,000	240,000	550,000	TTD4A83X6
593	DK22110467	Trần Hải Yến	Nữ	01/04/1994	60,000	360,000	430,000	TTD3RS51X
594	DK22110799	Bùi Hoàng Yến	Nữ	29/11/1998	60,000	240,000	550,000	TTDFAC5Y3
595	DK22110051	Nguyễn Thị Yến	Nữ	03/05/1984	60,000	240,000	550,000	TTDJBAUUC
596	DK22110417	Hoàng Hải Yến	Nữ	08/05/1998	60,000	240,000	550,000	TTDGUXG9J
597	DK22120330	Nguyễn Thị Hải Yến	Nữ	17/09/1995	60,000	240,000	550,000	TTDXYPUGY
598	DK22120622	Đỗ Thị Hải Yến	Nữ	05/12/1992	60,000	240,000	550,000	TTD5P49GU
599	DK22110642	Đỗ Thị Hải Yến	Nữ	06/03/1993	60,000	240,000	550,000	TTD428VYU
600	DK22120512	Vũ Hải Yến	Nữ	28/10/1994	60,000	240,000	550,000	TTD1V9HH7
601	DK21223046	Phạm Hải Yến	Nữ	05/05/1996	60,000	240,000	550,000	TTDJKJUFC

Tổng = 601